

Số: 524/TCT-KHĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kính gửi: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện báo cáo các thông tin quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- CTCP (Tổng công ty) xin báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban) đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2021 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

- Tổng doanh thu: 1.102 tỷ đồng; đạt 108% kế hoạch năm 2021 điều chỉnh.
- Lợi nhuận sau thuế: 219 tỷ đồng; đạt 107% kế hoạch năm 2021 điều chỉnh.
- Cổ tức: 6,49%; đạt 125% kế hoạch năm 2021 điều chỉnh.

(Chi tiết tại Bảng số 01-BM3 đính kèm)

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Về công tác quản lý đất Lâm nghiệp:

+ Về đo đạc cắm mốc, cấp GCNQSD đất: Tổng công ty đã tích cực chủ động phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSD đất. Tuy nhiên đến nay vẫn còn 4% diện tích (khoảng hơn 1.717 ha) do người dân địa phương không hợp tác, ngăn cản và đang chờ chính quyền địa phương giải quyết dẫn đến việc đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSD đất chưa hoàn thành.

Công tác đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSD đất cho các công ty lâm nghiệp chủ yếu do các địa phương thực hiện nhưng còn chậm là do: tình trạng người dân tập trung đông người tranh chấp, lấn chiếm đất đai, ngăn cản công tác đo đạc, cắm mốc đất lâm nghiệp chưa được giải quyết triệt để; do việc bàn giao đất nông nghiệp từ các lâm trường quốc doanh trước đây là bàn giao nguyên trạng theo số liệu trên sổ sách; nên thiếu căn cứ để giải quyết tranh chấp, lấn chiếm...

+ Về bàn giao đất về địa phương: Việc bàn giao đất không có nhu cầu sử dụng về địa phương tại các đơn vị lâm nghiệp còn chậm do quy định về hồ sơ trả đất yêu cầu phải đo đạc bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất, mới đủ điều kiện để thu hồi và bàn giao đất về địa phương. Trong khi đó hầu hết các diện tích còn lại không có



bản đồ địa chính và Nhà nước chưa bố trí kinh phí để đo đạc, lập hồ sơ bàn giao đất về địa phương.

+ Công tác thu hồi đất lấn chiếm: Do đặc thù của công tác lâm nghiệp, hồ sơ đất đai bàn giao trước đây chưa có mốc giới, chưa có bản đồ, việc lấn chiếm kéo dài qua nhiều thời kỳ chưa được giải quyết dứt điểm, một số địa phương chính quyền các cấp còn chưa thực sự vào cuộc nên việc thu hồi đất lấn chiếm gặp rất nhiều khó khăn. Sau cổ phần hóa, Tổng công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nên cơ bản không phát sinh mới diện tích đất lấn chiếm tuy nhiên vẫn gặp khó khăn trong việc chống lấn chiếm và thu hồi đất lấn chiếm. Hiện nay, Tổng công ty cũng đã xây dựng phương án thu hồi các diện tích đất lấn chiếm còn lại này.

+ Miễn giảm tiền thuê đất: Do đặc thù, hoạt động sản xuất lâm nghiệp của các đơn vị chủ yếu tại địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới. Tuy nhiên, từ năm 2021, một số đơn vị lâm nghiệp, công ty giống đã không còn được miễn tiền thuê đất nên hoạt động sản xuất lâm nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Một số vướng mắc khó khăn về cơ chế chính sách:

+ Hiện nay, Tổng công ty đang thực hiện báo cáo giám sát, báo cáo hoạt động của Tổng công ty theo quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP, Nghị định 49/2014/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP, Nghị định 140/2020/NĐ-CP và Nghị định 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Các nội dung phải báo cáo chưa thống nhất, trùng lặp nhiều. Mặt khác thời gian yêu cầu nộp báo cáo không trùng vào thời điểm Tổng công ty (là công ty đại chúng niêm yết) lập báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm nên tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo sẽ không phản ánh chính xác (do phải báo cáo theo số ước thực hiện).

+ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi Nghị định 32/2018/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP vẫn chưa có quy định đối với doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ khi thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thành viên nên chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để Tổng công ty áp dụng (thuê đơn vị tổ chức bán đấu giá, định giá các giá trị vô hình...). Bên cạnh đó, một số quy định của Nghị định 140/2020/NĐ-CP khó triển khai trong thực tế như việc xác định giá và tổ chức chào bán quyền mua cổ phần/phần vốn góp của các doanh nghiệp do Tổng công ty sở hữu dưới 36% vốn điều lệ (không có quyền phủ quyết việc tăng vốn điều lệ của Công ty) do thời gian thực hiện quyền mua cổ phần ngắn, không đủ thời gian để xác định giá trị quyền mua...

+ Bên cạnh việc chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần, trong thực tế doanh nghiệp nhà nước cũng có nhu cầu sắp xếp lại các công ty do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó có hình thức bán toàn bộ doanh nghiệp hoặc bán một phần vốn doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Tuy nhiên hiện nay chưa có Nghị định, Thông tư hướng dẫn chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại Công ty do doanh nghiệp

1020
G CỘNG
HIỆP V
G TY C
VINA
TRU

nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo các hình thức nêu trên nên việc triển khai gặp nhiều vướng mắc (Sở giao dịch chứng khoán từ chối thực hiện, Công ty chứng khoán thì yêu cầu có quy chế mẫu để vận dụng).

+ Bên cạnh đó, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về sắp xếp, xử lý tài sản công và có hiệu lực từ ngày 01/09/2021. Một số quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP chưa được hướng dẫn cụ thể: Sản phẩm hàng hóa của dự án đầu tư kinh doanh bất động sản: định nghĩa, tiêu chí xác định sản phẩm hàng hóa của dự án đầu tư kinh doanh bất động sản; Nhà, đất đã được xác định giá trị doanh nghiệp đối với đất được cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm xác định thế nào; Việc không quản lý, sử dụng nhà, đất theo phương án đã được phê duyệt đối với trường hợp sau khi phê duyệt, không còn thuộc phạm vi hoặc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; Doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương.

+ Ngoài ra, trước đây 05 cơ sở nhà đất của Tổng công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg nhưng chưa có Quyết định phê duyệt phương án của đại diện chủ sở hữu theo Khoản 5 Điều 6 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg.

Căn cứ văn bản số 11227/BTC-QLCS ngày 12/08/2014 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam trước khi thực hiện CPH. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ NN&PTNT căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được Bộ Tài chính phê duyệt xem xét, quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Sau đó, trên cơ sở đề nghị của Bộ NN&PTNT, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (trong đó có phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa: giữ lại tiếp tục sử dụng 05 cơ sở nhà, đất nêu trên). Tuy nhiên sau đó, Bộ NN&PTNT chưa có Quyết định giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 05 cơ sở nhà đất nêu trên do Tổng công ty quản lý, sử dụng.

Vì vậy, để hoàn tất việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với 05 cơ sở nhà, đất giữ lại tiếp tục sử dụng theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP thì phải có quyết định phê duyệt phương án của chủ sở hữu.

+ Quy định về hồ sơ do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất lâm nghiệp bao gồm trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo thửa đất theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT gây nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện do phần lớn diện tích trước đây được giao cho các lâm trường quốc doanh chưa có hồ sơ đo đạc cụ thể; nguồn kinh phí Nhà nước bố trí để thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính thửa đất chưa kịp thời.

+ Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (cụ thể Tổng công ty) là Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN). Tuy nhiên, các quy định về đấu thầu, đấu giá tài sản cũng như quy định về tài sản công, tài sản Nhà nước chưa có Nghị định hướng dẫn, Luật điều chỉnh cụ thể đối với việc đấu thầu, đấu giá tài sản của những doanh nghiệp có vốn

12-
TY
HỆ N
PH
FO
G-T

góp của DNNN. Từ đó, dẫn đến còn khó khăn, lúng túng trong việc xác định trường hợp phải thực hiện đấu thầu, đấu giá tài sản của doanh nghiệp có vốn góp của DNNN. Thực tế có những Dự án, tài sản đòi hỏi phải giải quyết trong thời gian ngắn mà việc đấu giá, đấu thầu liên quan đến Dự án, tài sản này làm phát sinh thêm chi phí cũng như làm chậm trễ quá trình quyết định đầu tư, triển khai Dự án (đặc biệt đối với những Dự án liên doanh, liên kết với doanh nghiệp, đối tác nước ngoài) - điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, cơ hội đầu tư. Do đó, cần có chính sách, quy định cụ thể đối với việc đấu thầu, đấu giá tài sản với những Doanh nghiệp có vốn góp của DNNN.

+ Về việc giải thể Xí nghiệp Phú Lâm: Xí nghiệp Phú Lâm đã có quyết định giải thể từ năm 1993 nhưng đến nay việc giải thể chưa hoàn thành. Tổng công ty đã gửi nhiều văn bản đến Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn đề nghị nhận bàn giao tài sản của Xí nghiệp Phú Lâm nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

+ Về việc xử lý rừng giữ hộ Nhà nước: hiện nay, có 05 Công ty Giống lâm nghiệp (Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Bắc) do Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đang quản lý rừng giữ hộ Nhà nước. Một số diện tích rừng giữ hộ Nhà nước nằm trong quy hoạch của các Dự án (Dự án Khu công nghiệp Becamex Bình Định,...) hoặc chất lượng rừng thấp, việc tiếp tục giữ lại sẽ không đảm bảo hiệu quả sử dụng đất rừng. Tuy nhiên, việc bàn giao đất về địa phương (khi Nhà nước thu hồi đất) hay nâng cao hiệu quả sử dụng đất rừng gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ chế để xử lý tài sản trên đất rừng giữ hộ Nhà nước.

+ Vương mắc khi thực hiện Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg về việc hỗ trợ đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn: nội dung về chính sách hỗ trợ bảo hiểm theo Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg chưa thống nhất với nội dung quy định về loại hợp đồng lao động quy định tại Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019. Cụ thể: đối tượng được áp dụng chính sách hỗ trợ về bảo hiểm theo Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg là: lao động là người dân tộc thiểu số được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng – Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 58/2017/TT-BTC. Trong khi đó, hiện nay, chỉ có 02 loại hợp đồng lao động là hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn - Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

(Chi tiết theo Bảng số 2-BM3 đính kèm)

2. Các khoản đầu tư tài chính:

Tại thời điểm 31/12/2021 Tổng công ty đầu tư góp vốn vào 46 đơn vị: 894.585 triệu đồng Trong đó:

+ Đầu tư vào Công ty con:	468.212 triệu đồng.
+ Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh:	411.517 triệu đồng.
+ Đầu tư vốn vào công ty khác:	14.856 triệu đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Tổng công ty tập trung vốn đầu tư vào các hoạt động thuộc ngành nghề kinh doanh chính, không thực hiện đầu tư ra ngoài ngành nghề chính; tăng cường, đẩy mạnh công tác quản lý vốn tại các đơn vị có vốn góp; thể hiện tốt vai trò của Công ty Mẹ trong việc theo dõi giám sát, đánh giá tình hình quản lý sử dụng vốn và năng lực của người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp. Về cơ bản đa số các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

(Chi tiết theo Bảng số 3-BM3 đính kèm)

Tổng công ty trân trọng báo cáo./. ⁷⁴

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- TGD;
- Phòng TCLĐ; ĐTTC; LN;
- Lưu VT, KHĐT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Lê Quốc Khánh

BẢNG SỐ 01 -BM3
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch điều chỉnh	Giá trị thực hiện Công ty Mẹ	Giá trị thực hiện Hợp nhất (nếu có)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Ván MDF		52.000	46.047	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1021	1102	2311
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		238	314
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	205	219	288
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	103	94	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	489	487	2.503
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	87,2	92,1	306,2
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	10,1	10,6	10,6
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	77,1	81,4	295,6

Ghi chú: Về Giá trị thực hiện Hợp nhất của mục Tổng số lao động: Số liệu bao gồm tổng số lao động của các đơn vị chi nhánh, một thành viên và chi phối, không bao gồm khối đơn vị liên doanh, liên kết

VIỆT NAM
TỔNG C
LÂM NGHIỆP
CÔNG TY
VINO
TRUNG

60

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢNG SỐ 02 - BM3
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

Tổng công ty không phát sinh trong năm 2021



TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢNG SỐ 03 - BM3
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON
DO TỔNG CÔNG TY NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ	50,55	50,55	57,969	38,171	2,009	1,936	1,001	0,096	7,418
1.2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập	66,5	66,5	87,172	6,155	0,073	0,073	0	0,087	25,164
1.3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	46,1	46,1	62,49	72,321	-1,686	-1,686	0	0,106	22,785
1.4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà-Đông Nai	134	134	166,003	38,687	6,069	5,652	5,173	0,468	32,003
1.5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình	83,5	83,5	120,957	3,825	-1,314	-1,314	0	0	45,036
1.6	Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang	62,928	62,928	146,858	27,004	3,367	2,459	2,24	0,881	120,864
1.7	Công ty TNHH MTV CB Gỗ và Dăm gỗ Dung Quất	12,6	12,6	33,983	4,714	0,092	0,054	0,168	1,918	26,43
1.8	Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động và dịch vụ Vinafor	8,5	8,5	9,066	0,14	-0,276	-0,276	0	0,002	0,842
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty CP Cẩm Hà	44,89	17,43	177,23	382,50	13,50	10,73	0,00	5,43	120,08
2.2	Công ty CP Giống Lâm nghiệp vùng Bắc Bộ	2,10	1,68	4,59	2,55	0,06	0,05	0,00	0,01	2,04
2.3	Công ty CP Giống LN vùng Bắc Trung Bộ	2,83	2,83	8,25	8,79	0,95	0,95	0,00	0,01	2,34
2.4	Công ty CP Giống LN vùng Đông Bắc	1,60	0,52	13,15	2,91	0,19	0,17	0,00	0,01	12,16
2.5	Công ty CP Giống LN vùng Nam Bộ	10,00	6,46	23,10	21,74	3,24	2,79	0,93	1,12	7,84
2.6	Công ty CP Giống LN vùng Nam Trung Bộ	2,20	1,49	3,67	2,63	0,18	0,16	0,06	0,05	0,54
2.7	Công ty CP Giống LN vùng Tây Nguyên	9,90	5,13	11,89	4,67	0,78	0,66	0,31	0,08	1,12
2.8	Công ty CP Lâm đặc sản và XNK Hà Tĩnh	2,70	2,09	4,80	13,73	2,77	2,77	0,00	0,20	4,55
2.9	Công ty CP Long Bình	9,00	6,10	13,85	7,13	2,23	1,92	0,82	0,97	0,78
2.10	Công ty CP SX và XNK Lâm sản Sài Gòn	24,00	15,03	143,75	271,60	3,65	3,65	1,23	23,12	106,86
2.11	Công ty CP Vinafor Đà Nẵng	20,18	13,74	116,78	277,52	2,26	2,26	0,70	0,67	83,46
2.12	Công ty CP Vinafor Tây Nguyên	12,20	0,00	12,53	0,00	-0,41	-0,41	-0,28	0,00	22,52
2.13	Công ty CP Vinafor Vinh	2,50	1,63	3,29	2,07	0,02	0,02	0,01	0,58	1,21

